

Bản án số: 27/2023/DS-PT

Ngày: 06-3-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Quang Ninh

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2022/TLST-DS, ngày 20/12/2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Đồng Quang T, sinh năm 1963; địa chỉ: Văn phòng giao dịch – Văn phòng luật sư Đ – khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Trần Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Phạm Thị M đại diện là anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

Vào ngày 07/02/2018, chị Trần Thị S có vay của chị M số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn kinh tế. Thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 tháng. Việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay, có chữ ký của chị S, các bên không thỏa thuận lãi suất; việc vay mượn tiền anh Hoàng Văn K (chồng chị S có biết). Đến hạn nhưng vợ chồng chị S vẫn chưa trả tiền cho chị M.

Cũng trong năm 2018, chị M có chuyển nhượng cho anh K và chị S 01 thửa đất có diện tích 400m², tọa lạc tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Giá chuyển nhượng là 1.500.000.000 đồng. Hai bên đã làm hợp đồng công chứng. Vợ chồng anh K, chị S đã trả cho chị M số tiền 1.140.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 360.000.000 đồng hạn khi sang tên đất đai xong, thế chấp vay vốn ngân hàng lấy tiền trả cho chị M, nhưng sau khi sang tên xong thì vợ chồng chị S không trả mà xin khất nợ. Đến ngày 20/3/2019, anh K và chị S viết giấy vay tiền với số tiền là 360.000.000 đồng nhưng thực chất là tiền nhận sang nhượng đất chưa trả. Thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến nay, chị M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị S trả nhưng chị S và anh K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, chị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh K và chị S phải trả số tiền còn nợ là 410.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử.

****Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị S trình bày:***

Chị S và anh K là vợ chồng, chị S có quan hệ quen biết với chị M.

Chị S thừa nhận vào năm 2018, vợ chồng chị S có nhận sang nhượng của chị M 01 thửa đất có diện tích 400m², tọa lạc tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Giá chuyển nhượng là 1.500.000.000 đồng. Hai bên đã làm hợp đồng công chứng, vợ chồng chị S đã giao cho chị M số tiền 1.190.000.000 đồng, còn nợ lại 310.000.000 đồng. Vợ chồng chị S có hạn với chị M về chăn nuôi heo và khi nào bán heo thì sẽ trả nhưng do heo bị dịch bệnh nên làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả cho chị M.

Ngày 07/02/2018, chị S có đến nhà chị M để vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay về để chi tiêu trong gia đình và trả nợ của gia đình. Việc chị S vay của chị M số tiền 50.000.000 đồng thì chồng chị S là anh K có biết và không có ý kiến gì, việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay do chị S viết và ký tên. Không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất.

Ngày 20/3/2019, chị S, anh K có viết giấy vay tiền (chốt nợ) đối với khoản tiền còn nợ chị M từ việc nhận sang nhượng đất là 310.000.000 đồng và số tiền vay là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 360.000.000 đồng. Chị S là người viết giấy và hai vợ chồng chị S đều ký vào giấy vay tiền. Mục đích viết giấy vay tiền để làm tin với

chị M. Vợ chồng chị S có hứa về làm ăn sẽ trả cho chị M. Tuy nhiên, do vợ chồng chị S làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng để trả nợ cho chị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S chỉ đồng ý trả cho chị M số tiền là 360.000.000 đồng tiền nợ gốc và xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, chị S thừa nhận còn nợ chị M số tiền là 410.000.000 đồng tiền gốc (trong đó có 50.000.000 đồng tiền vay và 360.000.000 đồng tiền mua nhà đất). Chị S đồng ý trả cho chị M số tiền gốc là 410.000.000 đồng. Về tiền lãi, do hoàn cảnh khó khăn, chị S xin chị M tiền lãi cũng như xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

****Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn K trình bày:***

Vào năm 2018, vợ chồng anh K có nhận sang nhượng của chị M 01 thửa đất có diện tích ngang 10m ngang x 40m chiều sâu. Đất tọa lạc tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Giá sang nhượng là 1.500.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu nên anh K không nhớ vợ chồng anh K đã đưa cho chị M được bao nhiêu tiền nhưng anh K khẳng định là chưa trả hết tiền sang nhượng đất cho chị M.

Đến ngày 20/3/2019, vợ chồng anh K có đến nhà chị M và sau đó có viết giấy vay tiền với số tiền 360.000.000 đồng nhưng thực chất đây là số tiền nợ tiền đất chưa trả hết.

Giấy vay tiền đề ngày 20/3/2019 là do vợ anh K viết và anh K có ký ghi rõ họ tên.

Ngày 07/02/2018, vợ anh K là chị S có vay của chị M số tiền 50.000.000 đồng. Việc chị vay tiền thì anh K có biết nhưng anh K không biết chị vay tiền về để sử dụng mục đích gì.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của chị M thì anh K chỉ thừa nhận vợ chồng anh K chỉ nợ chị M số tiền 360.000.000 đồng và anh K chỉ đồng ý trả 360.000.000 đồng cho chị M. Tuy nhiên, hiện tại do vợ chồng anh K đang khó khăn nên anh K xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị M. Buộc chị Trần Thị S và anh Hoàng Văn K phải có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị M số tiền 544.985.660 đồng (trong đó tiền gốc là 410.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 134.985.660 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06/10/2022 bị đơn chị Trần Thị S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị S chỉ trả số tiền nợ gốc 360.000.000đ và không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của BLTTDS chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đối với phần lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị S làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

Về quan hệ pháp luật: Do các đương sự thống nhất chuyển giao từ tiền nợ của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thành tiền vay và thống nhất viết giấy vay tiền ngày 20/3/2019 nên cần xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp với bản chất của vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Phạm Thị M yêu cầu buộc anh Hoàng Văn K và chị Trần Thị S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị M số tiền gốc còn nợ là 410.000.000 đồng (trong đó có 360.000.000 đồng tiền mua nhà đất và 50.000.000 đồng tiền vay mượn) và tiền lãi của số tiền nói trên tiền lãi tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử.

Theo giấy nợ đề ngày 07/02/2018 và ngày 20/3/2019 có sự ký nhận của anh K và chị S có vay chị M tổng số tiền 410.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh K và chị S đều thừa nhận vào năm 2018, vợ chồng chị S có nhận sang nhượng của chị M 01 thửa đất có diện tích 400m², tọa lạc tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Giá chuyển nhượng là 1.500.000.000 đồng. Anh K và chị S đã trả cho chị M được một phần tiền và nợ lại chị M là 360.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 07/02/2018 chị S còn vay của chị M số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay mượn để sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế. Chị S đồng ý trả cho

chị M số tiền là 410.000.000 đồng nên được ghi nhận và đây là sự kiện có thật không phải chứng minh.

Anh K cho rằng không biết chị S vay số tiền 50.000.000 đồng sử dụng vào việc gì nên chỉ đồng ý cùng chị S trả số tiền mua nhà đất còn nợ lại là 360.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh K là thiếu cơ sở, bởi lẽ chị S khẳng định là vay tiền của chị M để sinh hoạt gia đình và làm kinh tế, mặt khác chị S vay tiền của chị M trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K và chị S đang còn tồn tại, tại giấy vay tiền anh K cùng ký tên điều này chứng tỏ anh K hoàn toàn biết rõ về khoản tiền vay, anh K cũng không có tài liệu nào chứng minh cho việc chị S vay tiền để sử dụng vào mục đích riêng nên cần buộc anh K phải có trách nhiệm cùng chị S trả khoản nợ trên cho chị M là phù hợp.

Tại đơn kháng cáo anh K chị S cho rằng chỉ còn nợ chị M số tiền 360.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh K chị S không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Theo nội dung tại giấy vay tiền ngày 07/2/2018 và ngày 20/3/2019 các bên không thỏa thuận thời hạn trả và tiền lãi nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không thống nhất được thời gian báo trước để làm cơ sở tính lãi nên cần căn cứ vào đơn khởi kiện thể hiện ngày 25/11/2020 để xác định thời gian phía bên cho vay yêu cầu bên vay trả nợ, tuy nhiên bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay nên bên vay phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi là có căn cứ một phần nên được HĐXX chấp nhận một phần. Cần buộc bị đơn anh K và chị S phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị M số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2022 là $410.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 0,83\% = 74.525.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và lãi mà chị Trần Thị S và anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị M là 484.525.000 đồng.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần, sửa bản án sơ thẩm đối với phần lãi suất.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị S và anh Hoàng Văn K phải chịu là 23.381.000 đồng.

Chị Phạm Thị M phải chịu án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận từ ngày 01/6/2019 đến ngày 24/11/2020 là 410.000.000 đồng x 16 tháng 23 ngày x 0,83% = 57.056.000 đồng là 2.852.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị S.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 166, 468, 479 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Các điều 27, 45, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị M. Buộc bị đơn chị Trần Thị S và anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị M số tiền 484.525.000 đồng (trong đó tiền vay gốc là 410.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 74.525.000 đồng).

Bản án (Quyết định) này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi chị Phạm Thị M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Trần Thị S và anh Hoàng Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị S và anh Hoàng Văn K phải chịu 23.381.000 đồng.

Chị Phạm Thị M phải chịu là 2.852.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị M đã nộp 10.200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án. Hoàn trả cho chị

M 7.148.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0018886, ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị S không phải chịu. Hoàn trả cho chị S số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018954 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga